

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTM-PT  
Ngày: 09-12-2022  
V/v *Tranh chấp hợp đồng mua bán  
hàng hóa*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG:**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như

*Các Thẩm phán:* Ông Nông Hà Nam

Ông Ngôn Ngọc Viên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:**  
Bà Trương Thị Nha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLPT-KDTM ngày 25 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 94/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Công ty A.**

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tuấn K – Sinh năm 1958. Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Ngã 3 P, thôn H, xã Đ, thành phố S, tỉnh S. Ông K có mặt

- *Bị đơn: Công ty B.*

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Quỳnh H. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

*Đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Mạnh C sinh năm 1983. Chức vụ: Phó giám đốc. (Văn bản ủy quyền số 01/GUQ – GTMB ngày 27/5/2022).

Địa chỉ: Cò Luông – Pác Vầu, xã Q, huyện L, tỉnh Cao Bằng.

Hiện nay đang trú tại: Tổ dân phố 2, thị trấn T, huyện Kh, tỉnh Cao Bằng.  
Ông C có mặt

- *Người kháng cáo:* Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Mạnh C.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty A do ông Nguyễn Tuấn K đại diện trình bày:*

Ngày 05/5/2020 Công ty A có ký Hợp đồng mua bán xi măng rời số 05-2020/HĐKT-TS với Công ty B (sau đổi tên thành Công ty B theo phụ lục hợp đồng số 01 ngày 01/10/2020). Nội dung hợp đồng: Công ty A cung cấp xi măng rời Pooc Lăng hỗn hợp PCB 40 nhãn hiệu The Vissai của Công ty Cổ phần xi măng Đồng Bành sản xuất cho Công ty B.

Quá trình thực hiện hợp đồng đã ký Công ty A thực hiện đúng các nội dung đã cam kết ghi trong hợp đồng. Toàn bộ hàng hóa bán cho Công ty B đều có biên bản giao nhận hàng, có chữ ký xác nhận của Công ty B.

Hiện nay Công ty B không còn lấy hàng từ Công ty A và cũng không thanh toán hết số tiền hàng còn nợ, trốn tránh việc thanh toán số tiền nợ đọng. Do đó hai bên chưa thực hiện được việc thanh toán toàn bộ hàng hóa công nợ để chấm dứt hợp đồng.

Hai bên có thực hiện đối chiếu công nợ lần cuối vào ngày 31/12/2021 ghi nhận Công ty B còn nợ là 4.828.389.800 đồng (*Bốn tỷ tám trăm hai mươi tám triệu ba trăm tám mươi chín nghìn tám trăm đồng*). Sau thời điểm đối chiếu cho đến nay, Công ty B không thực hiện việc thanh toán số tiền trên cho Công ty A.

Theo hợp đồng mua bán hàng hóa đã ký kết, trường hợp có xảy ra tranh chấp sẽ giải quyết tại Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh S. Tuy nhiên hiện nay phía Công ty B nhiều lần trốn tránh trách nhiệm, không thể liên lạc được. Để đảm bảo thời gian tố tụng, giải quyết vụ án Công ty A lựa chọn Tòa án nơi hợp đồng được

thực hiện cũng như nơi có trụ sở của Công ty B là Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Cao Bằng giải quyết.

Công ty A yêu cầu Công ty B phải thanh toán toàn bộ số tiền mua xi măng còn nợ là 4.828.389.800 đồng và yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 1.5%/tháng tính từ thời điểm bên Mua ngừng mua hàng từ ngày 01/01/2022 cho đến khi Công ty B thanh toán toàn bộ công nợ cho Công ty A.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty A thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả lãi đối với số tiền chậm thanh toán theo lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật cho đến khi Công ty B thanh toán toàn bộ công nợ cho Công ty A.

Ngày 08/9/2022 Công ty A có nhận được văn bản của Công ty B đề nghị gia hạn công nợ và cam kết thanh toán trong tháng 9 (trước ngày 30/9/2022) số tiền 1.800.000.000 đồng (*một tỷ tám trăm triệu đồng chẵn*). Số tiền còn lại sẽ thanh toán hàng tháng 500.000.000 đồng (*năm trăm triệu đồng*) nhưng Công ty A không chấp nhận. Đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết theo quy định pháp luật.

*\* Ý kiến của bị đơn Công ty B, người đại diện theo ủy quyền ông Lê Mạnh C tại Bản tự khai, biên bản hòa giải và lời khai tiếp sau trình bày:* Công ty B có ký Hợp đồng mua xi măng rời Pooc Lăng hỗn hợp PCB 40 nhãn hiệu The Vissai của Công ty Cổ phần xi măng Đồng Bành sản xuất với Công ty A vào ngày 05/5/2020. Khi ký kết hợp đồng bà Trần Thị Quỳnh H, chức vụ Phó Tổng giám đốc là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 03/4/2020) cho Công ty B. Trong quá trình giao nhận hàng hóa và thanh toán tiền có biên bản giao nhận, hóa đơn chứng từ và biên bản đối chiếu công nợ đầy đủ.

Đến thời điểm đối chiếu công nợ tháng 12/2021 Công ty B còn nợ Công ty A số tiền là 4.828.389.800 đồng (*Bốn tỷ tám trăm hai mươi tám triệu ba trăm tám mươi chín nghìn tám trăm đồng*). Lý do cho đến nay chưa thanh toán công nợ cho Công ty A được là vì trong quá trình sản xuất kinh doanh các đối tác còn nợ Công ty B rất nhiều, chưa thu hồi công nợ được.

Nay Công ty A khởi kiện yêu cầu trả toàn bộ số tiền mua xi măng còn nợ là 4.828.389.800 đồng và yêu cầu lãi suất 1.5%/tháng tính từ thời điểm ngày 01/01/2022 cho đến khi thanh toán xong. Công ty B hy vọng hai bên có thể thỏa thuận lại do công ty đang trong tình trạng khó khăn về tài chính. Công ty sẽ thanh toán hàng tháng cho Công ty A với số tiền là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu*

*đồng)* mỗi tháng, còn số tiền dư nợ còn lại công ty chúng tôi sẽ trả dần nhưng không được chấp nhận.

Tại văn bản ghi ý kiến ngày 18/8/2022 của đại diện theo ủy quyền Công ty B xác nhận còn nợ Công ty A số tiền 4.828.389.800 đồng, đối với lãi suất chậm trả đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty A không bổ sung, thay đổi hay rút yêu cầu khởi kiện, không cung cấp thêm chứng cứ gì khác. Bị đơn Công ty B có đơn xin xét xử vắng mặt không có yêu cầu cầu phản tố và không cung cấp thêm chứng cứ gì khác.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng đã:

Căn cứ khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 8 Điều 3, Điều 50, Điều 306, Điều 317 và Điều 319 của Luật TH mại;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **1. Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A. Buộc Công ty B phải trả cho Công ty A số tiền 5.258.156.177 đồng (*năm tỷ hai trăm năm mươi tám triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn, một trăm bảy mươi bảy đồng*). Trong đó: nợ gốc 4.828.389.800 đồng, nợ lãi 429.766.377 đồng.

*Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có đơn yêu cầu yêu cầu thi hành án hợp lệ, nếu bị đơn chậm thanh toán sẽ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và theo quy định của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.*

## **2. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:**

Công ty B phải chịu số tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 113.258.156 đồng (*một trăm mười ba triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn, một trăm năm mươi sáu đồng*).

Công ty A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Cao Bằng là 56.000.000 đồng (*năm mươi sáu triệu đồng*) theo biên lai thu tiền số 0004607 ngày 18/5/2022.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/9/2022 đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Mạnh C, kháng cáo bản án sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những vấn đề sau:

1. Xem xét lại thời điểm tính lãi suất quá hạn đối với khoản nợ công ty chưa thanh toán tính từ ngày 01/01/2022 là chưa hợp lý. Bởi vì trong cuối tháng 5 năm 2022 hai bên Công ty vẫn có trao đổi thông tin về việc đối chiếu và chốt thanh toán công nợ.

2. Xem xét lại số tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng, mức lãi suất chậm trả hơi cao.

3. Xem xét chấp thuận phương án cho Công ty B trả dần công nợ hàng tháng bởi vì từ khi bán bê tông thành phẩm, các đơn vị mua bê tông còn nợ nhiều tiền hàng chưa thu hồi được.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Mạnh C trình bày: Do hiện nay Công ty B đang gặp khó khăn về tài chính nên mong muốn Công ty A bỏ qua cho phần tiền lãi, không buộc bị đơn phải trả số tiền lãi theo như bản án sơ thẩm đã tuyên. Nếu phía nguyên đơn nhất trí thì Công ty B sẽ thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 2.000.000.000đ (*Hai tỷ đồng*) trước ngày 30/12/2022. Số tiền gốc còn lại 2.828.389.800đ (*hai tỷ tám trăm hai mươi tám triệu ba trăm tám mươi chín nghìn tám trăm đồng*) sẽ thanh toán xong trước ngày 30/6/2023. Ngoài ra phía bị đơn sẽ tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn trình bày: Do phía bị đơn đã trình bày hiện nay đang gặp khó khăn về tài chính, do đó nguyên đơn cũng nhất trí theo ý kiến của bị đơn. Tuy nhiên mong muốn bị đơn thực hiện theo đúng sự thỏa thuận mà hai bên đã cam kết tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa phúc thẩm. Về quan điểm giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay các bên đương sự đã tự nguyện thỏa thuận về việc giải quyết vụ án, xét thấy việc thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự.

*Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập và giao nộp chứng cứ, trình tự và thủ tục phiên tòa sơ thẩm.... Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn nộp trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nội dung thỏa thuận như sau:

Nguyên đơn Công ty A yêu cầu bị đơn là Công ty B có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc còn nợ lại cho nguyên đơn là 4.828.389.800đ (*bốn tỷ tám trăm hai mươi tám triệu ba trăm tám mươi chín nghìn*). Cụ thể thời hạn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 2.000.000.000đ (*Hai tỷ đồng*) trước ngày 30/12/2022. Số tiền gốc còn nợ lại 2.828.389.800đ (*hai tỷ tám trăm hai mươi tám triệu ba trăm tám mươi chín nghìn tám trăm đồng*) sẽ thanh toán xong trước ngày 30/6/2023. Không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi theo như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Công ty B nhất trí, cam kết sẽ thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 2.000.000.000đ (*Hai tỷ đồng*) trước ngày 30/12/2022. Số tiền gốc còn nợ lại là 2.828.389.800đ (*hai tỷ tám trăm hai mươi tám triệu ba trăm tám mươi chín nghìn tám trăm đồng*) sẽ thanh toán xong trước ngày 30/6/2023. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, tại phiên tòa hôm nay các bên đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, xét thấy việc thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội do đó cần được Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự là phù hợp với điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 112.828.389đ (*một trăm mười hai triệu tám trăm hai mươi tám nghìn ba trăm tám mươi chín nghìn đồng*) để sung công quỹ nhà nước. Xét thấy việc tự nguyện chịu án phí của bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với khoản 5 điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, do đó cần được Hội đồng xét xử ghi nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ điều 300; điều 148 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 5 điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn. Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

**Tuyên xử:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của Công ty A và Công ty B về việc giải quyết vụ án như sau: Công ty B (Địa chỉ: Cò Luông – Pác Vầu, xã Q, huyện L, tỉnh Cao Bằng) có trách nhiệm thanh toán cho Công ty A (Địa chỉ: Ngã 3 P, thôn H, xã Đ, thành phố S, tỉnh S) số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) thời hạn thanh toán trước ngày 30/12/2022. Số tiền còn lại công ty B (Địa chỉ: Cò Luông – Pác Vầu, xã Q, huyện L, tỉnh Cao Bằng) sẽ có trách nhiệm thanh toán là 2.828.389.800đ (hai tỷ tám trăm hai mươi tám triệu ba trăm tám mươi chín nghìn tám trăm đồng) thời hạn thanh toán trước ngày 30/6/2023.

*Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có đơn yêu cầu yêu cầu thi hành án hợp lệ, nếu bị đơn chậm thanh toán sẽ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015*

## 2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty B tự nguyện chịu số tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 112.828.389,đ (một trăm mười hai triệu tám trăm hai mươi tám nghìn ba trăm tám mươi chín đồng)

Công ty A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng là 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0004607 ngày 18/5/2022.

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty B phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước. Xác nhận Công ty B đã nộp đủ án phí phúc thẩm là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo biên lai số 0004652 ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Cao Bằng.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./



**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh CB;
- TAND huyện QH;
- Chi cục THADS huyện QH;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu hs;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Như**